

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/ 2023/HS-ST
Ngày 22 -5- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Danh Bình và ông Vũ Tiến Lực;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Nhật M- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị O, sinh ngày: 18/12/1997; giới tính: Nữ; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và con bà Nguyễn Thị T; chồng, con: Không; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt.

2. Họ và tên: Ngô Thị H, sinh ngày: 10/01/1993; giới tính: Nữ; địa chỉ: Thôn A, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn T và con bà Trần Thị H; có chồng và 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt.

* Bị hại: Anh Mạnh Sỹ T, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Đội 9, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

Hiện đang ở tại: Thôn L, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt;

* Người làm chứng:

Ngô Thị M, sinh năm 2000, vắng mặt;

Ông Ngô Văn T, sinh năm 1960, có mặt;

Ông Ngô Văn T, sinh năm 1974, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị O, có địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc và Ngô Thị H, có địa chỉ: Thôn A, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc cùng làm công nhân với nhau. Buổi tối ngày 12/01/2023, O và H đi chơi về muộn nên O đã ngủ lại tại phòng trọ của H (H đang thuê trọ tại nhà ông Ngô Văn N, sinh năm 1958 ở thôn L, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc).

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13/01/2023, sau khi O và H ngủ dậy, lúc này O đứng ở ngoài cửa phòng trọ của H, nhìn thấy phòng trọ của anh Mạnh Sỹ T ở bên cạnh đi làm vắng, cửa phòng chỉ móc khóa bên ngoài. Lúc này, O nảy sinh ý định vào phòng anh T để trộm cắp tài sản, nên O đã nói với H là: “Phòng trọ của Tiến không khóa cửa, đi vào tìm xem có đồ gì giá trị không để lấy”. H trả lời: “Thôi lấy gì, nhỡ có ai nhìn thấy thì mang tiếng”, thì O nói tiếp “Sắp đến ngày khám bệnh của con rồi, đi vào xem có gì giá trị thì lấy để bán lấy tiền khám bệnh cho con và tiêu xài cá nhân” thì H đồng ý. O bảo H đi ra ngoài cổng canh gác, để O vào phòng trọ của anh T trộm cắp tài sản. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/01/2023, H đã đi ra ngoài cổng đứng canh gác, còn O vào trong phòng trọ của anh T mở ngăn kéo tủ ở cuối giường, trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro, màu vàng gold, bên ngoài có Ốp silicon màu đen của anh T cất vào túi quần bên phải của O đang mặc. Sau đó O đi ra ngoài và đóng cửa phòng trọ của anh T lại như ban đầu.

Đến khoảng 10 giờ 00 cùng ngày, O đưa điện thoại trộm cắp được của anh T cho H cầm cất giữ, H cầm điện thoại cất vào túi quần bên trái đang mặc của mình. Sau đó O điều khiển xe mô tô BKS: 88H1 – 209.08 chở H đi lên Vĩnh Yên để làm bảo hiểm thất nghiệp, rồi O chở H quay lại thành phố Phúc Yên để bán điện thoại lấy tiền chia nhau; nhưng không bán được. Nên O lại chở H về nhà ông Ngô Văn T, là bố đẻ của H ở thôn L, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc chơi. Khi về đến nhà, H đem chiếc điện thoại trộm cắp được cất ở dưới đệm giường ngủ trong phòng của H. Đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, anh T đi làm về phát hiện mất điện thoại, nên anh T sử dụng chiếc Ipad của mình để mở Icloud định vị vị trí chiếc điện thoại bị mất trộm, thì thấy chiếc điện thoại của mình đang ở nhà ông Ngô Văn T. Khoảng 17 giờ cùng ngày 13/01/2023, anh T cùng vợ là chị Ngô Thị M và bố vợ là ông Ngô Văn T đi đến nhà ông T để hỏi về chiếc điện thoại của anh T bị trộm cắp. Khi đến nhà ông T, lúc này O và H đều có mặt. Anh T nói với H là đã định vị được vị trí chiếc điện thoại của mình

bị trộm cắp đang ở nhà ông T, nên đã hỏi H có lấy điện thoại của mình không. Nhưng H không nhận hành vi trộm cắp của mình, nên anh T đã đến Công an xã N, thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc trình báo sự việc mất điện thoại.

Sau khi anh T ra về, sợ bị phát hiện nên H chuyển vị trí cất giấu điện thoại trộm cắp của anh T từ trong phòng ngủ, đem đến cất giấu ở góc cây vải trong vườn nhà ông T. Sau đó Công an xã N triệu tập H đến làm việc, trước khi đi H nói với O vị trí cất giấu chiếc điện thoại, nên O đến góc cây vải trong vườn nhà ông T, lấy điện thoại trộm cắp đem đến cất giấu tại bờ ao nhà ông T.

Tại Công an xã N sau khi đấu tranh Ngô Thị H và Nguyễn Thị O đã khai nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của anh T và chỉ dẫn cơ quan công an đến vị trí bờ ao nơi O giấu thu giữ chiếc điện thoại và giao nộp cho cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra xác định, ông Ngô Văn T không biết và không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của O và H, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu hồng, BKS: 88H1 – 209.08. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Ngô Văn T (bố đẻ bị cáo H). Ông T mua xe, sau đó cho bị cáo H mượn để sử dụng làm phương tiện đi làm, H đã trả lại ông T, nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

*Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng Gold, là tài sản O và H trộm cắp của anh T, ngày 27/3/2023 cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T. Anh T nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo;

Riêng 01 ốp điện thoại loại silicon màu đen của anh T bị trộm cắp, các bị cáo đã vứt bỏ, hiện cơ quan điều tra không thu hồi được. Anh T xác định chiếc ốp điện thoại trên đã cũ hỏng không còn giá trị, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐGTS ngày 13/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã có Bản kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng Gold đã qua sử dụng là 6.660.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng);

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị O và Ngô Thị H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 44/CT-VKSPY ngày 24 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố các bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo O và H; sau khi đánh giá tính chất,

mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; đề nghị

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O từ 09 tháng đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 tháng đến 20 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị H từ 07 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 14 tháng đến 16 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét, giải quyết. Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên, bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo O và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Lời khai của bị hại, người làm chứng, Bản kết luận định giá; Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm; Biên bản, kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; sơ đồ nơi xảy ra vụ việc, bản ảnh và phù hợp với vật chứng đã thu giữ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/01/2023, tại thôn L, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Thị O và Ngô Thị H đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Mạnh Sỹ T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng Gold đã qua sử dụng trị giá 6.660.000đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng);

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị O và Ngô Thị H đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, cụ thể:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 44/CT - VKSPY ngày 24 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Do vậy cần phải đưa ra để xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tính chất vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng.

Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại anh T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị O là người khởi xướng rủ rê bị cáo H trộm cắp tài sản và bị cáo O cũng là trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau đó bị cáo còn chở bị cáo H đi bán chiếc điện thoại để lấy tiền tiêu sài, nên phải áp dụng hình phạt tù giam mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Bị cáo Ngô Thị H lúc đầu khi bị cáo O rủ rê thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã từ chối, nhưng sau đó đã nhất trí tiếp nhận ý chí phạm tội của bị cáo O, nên là đồng phạm giúp sức với vai trò canh gác để bị cáo H trộm cắp tài sản. Sau khi trộm cắp tài sản đã cùng bị cáo O cất giấu tài sản trộm cắp.

Xét thấy bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo chỉ giữ vai trò là đồng phạm giúp sức do bị cáo O rủ rê, hơn nữa bị cáo lại đang nuôi 03 con nhỏ cháu nhỏ nhất sinh năm 2020. Hội đồng xét xử thấy cần mở lượng khoan hồng của Nhà nước, để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền đại phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng Gold đã qua sử dụng mà các bị cáo trộm cắp ngày 13/01/2023 là tài sản riêng cá nhân của bị hại anh Mạnh Sỹ T. Ngày 27/3/2023 anh T đã nhận lại chiếc điện thoại này, nay không đề nghị bị cáo phải bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Riêng 01 ốp điện thoại loại silicon màu đen của anh T, sau khi trộm cắp các bị cáo đã vứt bỏ, hiện cơ quan điều tra không thu hồi được. Anh T xác định chiếc ốp điện thoại trên đã cũ hỏng không còn giá trị, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

[6] Quá trình điều tra xác định, ông Ngô Văn T bố bị cáo H không biết và không liên quan đến hành vi trộm cắp của O và H, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu hồng, BKS: 88H1 – 209.08 . Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Ngô Văn T, bố bị cáo H. Chiếc xe này ông T mua, sau đó cho H mượn sử dụng đi làm, nay H đã trả lại cho ông T. Nay Cơ quan điều tra không thu giữ, nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[7] Qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa, các bị cáo không có tài sản riêng và không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp;

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị O và bị cáo Ngô Thị H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Ngô Thị H 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Thị H cho Ủy ban nhân dân xã N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Thị O và Ngô Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án!

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân T.P Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã N;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THỊ THÚY